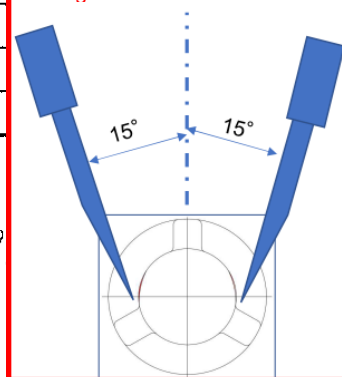


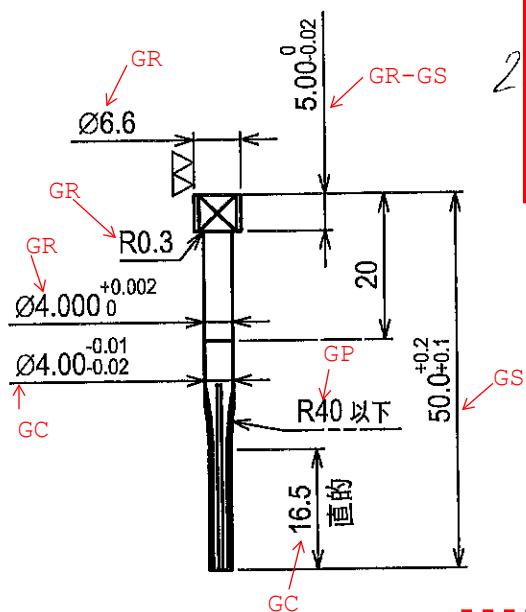
MTV

REV.	DATE	DESCRIPTION
init.	2013/03/27	新規設計(Dwg:206:13-9)1XA
a	2014/01/28	1T-VNM-15/12-563に基づく変更
b	2018/7/1	パンチ切刃部外径寸法の追加

Yêu cầu nghiêng đá 15° (như hình vẽ) khi gia công 2 cánh cùng 1 lần gá.



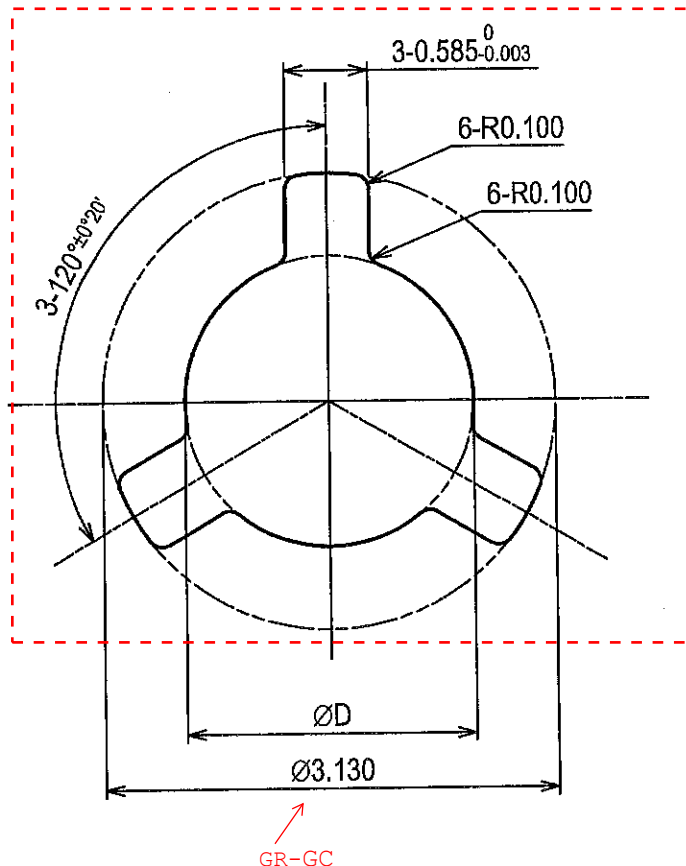
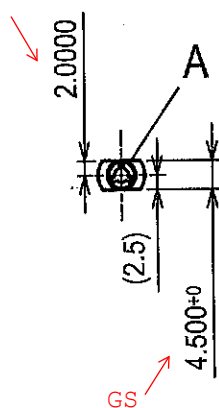
CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
Takahashi	0.0000	±0.002	0.000 +0	+0 -0.005
T.Yajima	0.000	±0.005	0.000 -0	-0 +0.005
Wei Feng	0.00	±0.01	0.00 +0	+0 -0.01
	0.0	±0.1	0.00 -0	-0 +0.01
	0.	±0.2	0.0 +0	+0 -0.1
			0.0 -0	-0 +0.1
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED				
FINISH MARKS				
G ▽▽▽ (▽)				



Q.No.	コア材メーカー	拠点	Ø D
a S883065	住金材・新日鉄材	VNM限定	1.9900
S883064	限定なし	限定なし	1.9980
b R168032	宝鋼 鞍鋼材	BLM限定	2.000

注意
VNMは手配時にD値を確認して手配のこと
その他拠点はS883065手配不可

(20/1) 切刃部形状詳細



参考
XB05-010H-BA
XB05-035M-BA

DWN.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
T.Iwabuchi	T.Yajima	部品図		内径抜きパンチ
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		INSIDE BLANKING PUNCH
HRC		部品図		内径穿孔冲頭
		部品図		内孔穿孔冲头
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.
WC(D25/HIP)	2014/01/28	1:1		S883064

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

414.1050065

SNO: **S883064**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG: **5P**

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: BTP S883064	GR:70 GS:40 GC:35 GP:300 KT